HIỆP ĐỊNH VỀ DẪN ĐỘ

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi là "*các Bên*"),

Với mong muốn nâng cao hiệu quả hợp tác trong việc phòng, chống tội phạm và thúc đẩy quan hệ trong lĩnh vực dẫn độ giữa hai nước thông qua việc ký kết một hiệp định về dẫn độ người phạm tội,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
NGHĨA VỤ DẪN ĐỘ

Theo quy định của Hiệp định này, mỗi Bên đồng ý dẫn độ cho Bên kia bất kỳ người nào đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình mà Bên đó yêu cầu để tiến hành truy tố, xét xử hoặc thi hành án vì một tội có thể bị dẫn độ.

Điều 2
CÁC TỘI BỊ DẪN ĐỘ

1. Người bị dẫn độ theo quy định của Hiệp định này là người có hành vi phạm tội có thể bị xử phạt tù với thời hạn từ một năm trở lên hoặc nặng hơn theo quy định pháp luật của cả hai Bên tại thời điểm yêu cầu dẫn độ.

2. Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ liên quan tới một người đã bị Tòa án của Bên yêu cầu xử phạt tù về tội có thể bị dẫn độ, thì việc dẫn độ chỉ được thực hiện nếu thời hạn chấp hành hình phạt còn lại ít nhất sáu (*6*) tháng.

3. Phù hợp với quy định của Điều này, việc xác định tội theo pháp luật của cả hai Bên được tiến hành như sau:

a) Không yêu cầu pháp luật của cả hai Bên quy định hành vi phạm tội đó phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh.

b) Tất cả các hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ phải được xem xét một cách toàn diện và không nhất thiết các yếu tố cấu thành của tội phạm đó theo pháp luật của các Bên phải giống như nhau.

4. Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ một người có liên quan đến một tội về thuế, thuế hải quan, kiểm soát ngoại hối hoặc các vấn đề về thu nhập khác, thì Bên được yêu cầu không được từ chối dẫn độ với lý do là pháp luật của Bên đó không quy định hoặc áp dụng cùng loại thuế, thuế hải quan đó hoặc không có quy chế ngoại hối tương tự như pháp luật của Bên yêu cầu.

5. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của Bên yêu cầu, thì việc dẫn độ người phạm tội sẽ được tiến hành khi pháp luật của Bên được yêu cầu cũng quy định hình phạt đối với tội phạm đó nếu thực hiện bên

ngoài lãnh thổ của mình trong hoàn cảnh tương tự. Trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu không quy định như vậy, thì Bên được yêu cầu có thể tiến hành việc dẫn độ theo ý mình.

6. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều tội và mỗi tội trong đó đều có thể bị xử phạt theo pháp luật của cả hai Bên, nhưng có một số tội không đáp ứng các quy định nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thì việc dẫn độ người phạm tội có thể được thực hiện với điều kiện người đó ít nhất phạm một tội là tội có thể bị dẫn độ.

Điều 3
BẮT BUỘC TỪ CHỐI DẪN ĐỘ

1. Việc dẫn độ sẽ không được thực hiện theo Hiệp định này, khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Khi Bên được yêu cầu xác định rằng tội phạm bị yêu cầu dẫn độ là tội phạm mang tính chất chính trị;

b) Khi người bị yêu cầu dẫn độ đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đã bị kết án hay được xử là vô tội trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu về chính tội phạm mà người đó bị yêu cầu dẫn độ;

c) Khi việc truy cứu trách nhiệm hình sự hay áp dụng hình phạt đối với tội phạm được yêu cầu dẫn độ bị cản trở do quy định về thời hiệu pháp luật của Bên được yêu cầu quy định đối với tội phạm như vậy nếu tội đó cũng được thực hiện tại Bên được yêu cầu. Bên yêu cầu, theo pháp luật của nước mình có thể đưa ra các hành vi hoặc tình tiết làm ngừng việc hết thời hiệu và nếu các hành vi hoặc tình tiết đó có hiệu lực đối với Bên được yêu cầu thì Bên yêu cầu phải cung cấp văn bản các quy định pháp luật liên quan về thời hiệu đó;

d) Khi Bên được yêu cầu có căn cứ xác đáng để cho rằng yêu cầu dẫn độ được đưa ra nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trừng phạt người bị dẫn độ vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, giới tính, chính kiến hay làm người đó bị ảnh hưởng bởi các lý do trên.

2. Quy định tại khoản 1.a Điều này sẽ không áp dụng đối với các tội sau đây:

a) Tước đoạt hoặc tước đoạt chưa thành tính mạng hoặc xâm phạm thân thể người đứng đầu nhà nước hay thành viên gia đình của người đó;

b) Tội phạm mà các Bên có nghĩa vụ thiết lập quyền truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc dẫn độ theo một thoả thuận quốc tế đa phương mà cả hai Bên đều là thành viên.

Điều 4
QUYỀN TỰ QUYẾT ĐỊNH TỪ CHỐI DẪN ĐỘ

Việc dẫn độ theo Hiệp định này có thể bị từ chối khi có một trong các trường hợp sau đây:

1. Khi toàn bộ hoặc một phần tội phạm bị yêu cầu dẫn độ được cho là đã được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ của Bên được yêu cầu theo pháp luật của Bên đó.

2. Khi người bị yêu cầu dẫn độ đã được xử vô tội hoặc bị kết án tại một nước thứ ba về cùng tội đó, nếu bị kết án, thì hình phạt đã được thi hành đầy đủ hoặc không còn hiệu lực thi hành nữa.

3. Trong các trường hợp ngoại lệ, xét mức độ nghiêm trọng của tội phạm và lợi ích của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu thấy rằng, việc dẫn độ sẽ không phù hợp với các nguyên tắc nhân đạo do hoàn cảnh cá nhân của người bị yêu cầu dẫn độ.

4. Khi tội mà yêu cầu dẫn độ đưa ra là một tội theo luật quân sự và không phải là tội quy định trong luật hình sự thông thường.

Điều 5
HOÃN VÀ DẪN ĐỘ TẠM THỜI

1. Khi người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt về tội phạm nhưng không phải là tội đang bị yêu cầu dẫn độ trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, thì Bên được yêu cầu có thể hoãn việc dẫn độ người đó cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hay chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên. Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về việc hoãn dẫn độ nói trên. Khi điều kiện hoãn dẫn độ không còn nữa thì Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu và tiếp tục tiến hành việc dẫn độ nếu không có thông báo khác của Bên yêu cầu.

2. Trong trường hợp việc hoãn dẫn độ nêu tại khoản 1 Điều này làm cản trở quá trình tố tụng hình sự do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự, thì theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu căn cứ vào pháp luật nước mình có thể cho dẫn độ tạm thời theo yêu cầu.

3. Người bị dẫn độ tạm thời phải được trả lại ngay sau khi quá trình tố tụng hình sự đã kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà hai Bên đã thoả thuận. Khi có yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ gia hạn thời hạn đã thoả thuận trên nếu có lý do chính đáng cho việc gia hạn này.

Điều 6
DẪN ĐỘ CÔNG DÂN

1. Các Bên không có nghĩa vụ phải dẫn độ công dân của mình theo Hiệp định này.

2. Nếu việc dẫn độ bị từ chối chỉ trên cơ sở quốc tịch của người bị dẫn độ, thì theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ đưa vụ án ra cơ quan có thẩm quyền để truy tố.

3. Quốc tịch được xác định vào thời điểm thực hiện tội phạm và vì tội đó mà có yêu cầu dẫn độ.

Điều 7
THỦ TỤC DẪN ĐỘ VÀ TÀI LIỆU CẦN THIẾT

1. Yêu cầu dẫn độ phải lập bằng văn bản và được gửi thông qua đường ngoại giao.

2. Văn bản yêu cầu dẫn độ phải kèm theo:

a) Các tài liệu mô tả đặc điểm nhận dạng, và nếu có thể, giấy tờ về quốc tịch và nơi lưu trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Một văn bản nêu sự việc của vụ án;

c) Một văn bản nêu các luật quy định về các yếu tố cấu thành tội phạm và tội danh;

d) Một văn bản nêu các luật quy định về hình phạt đối với tội phạm đó;

e) Một văn bản nêu các luật liên quan đến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với tội phạm đó.

3. Khi yêu cầu dẫn độ liên quan đến người chưa bị kết án, thì phải kèm theo:

a) Bản sao lệnh bắt hoặc giam giữ của thẩm phán hay người có thẩm quyền khác của Bên ký kết yêu cầu dẫn độ;

b) Thông tin xác nhận người bị dẫn độ là người được nêu trong lệnh bắt hay giam giữ;

c) Một văn bản về hành vi cấu thành tội phạm đó đưa ra căn cứ hợp lý để cho rằng người bị dẫn độ đã thực hiện tội bị yêu cầu dẫn độ.

4. Khi yêu cầu dẫn độ liên quan đến người đã bị kết án, thì phải kèm theo:

a) Bản sao bản án kết tội do Tòa án của Bên yêu cầu dẫn độ tuyên;

b) Thông tin xác nhận người bị yêu cầu dẫn độ là người đã bị kết án;

c) Một văn bản trình bày về hành vi cấu thành tội phạm mà người đó bị kết án.

5. Tất cả các tài liệu do Bên yêu cầu gửi theo quy định của Hiệp định này phải được chứng nhận và gửi kèm theo bản dịch ra tiếng của Bên được yêu cầu hoặc ra tiếng Anh.

6. Tài liệu được chứng nhận theo quy định của Hiệp định này là tài liệu có chữ ký hoặc xác nhận của thẩm phán hoặc quan chức có thẩm quyền của Bên yêu cầu và đóng dấu chính thức của cơ quan có thẩm quyền của Bên đó.

Điều 8
THÔNG TIN BỔ SUNG

1. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng thông tin đã cung cấp kèm theo yêu cầu dẫn độ không đầy đủ để tiến hành việc dẫn độ theo Hiệp định này, thì có thể yêu cầu cung cấp các thông tin bổ sung trong thời hạn do Bên được yêu cầu ấn định.

2. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đang bị bắt giữ và các thông tin bổ sung đã cung cấp theo Hiệp định này không đầy đủ hoặc không nhận được trong thời hạn ấn định, thì người bị bắt giữ có thể được trả tự do. Việc trả tự do cho người bị yêu cầu dẫn độ nói trên không cản trở Bên yêu cầu đưa ra yêu cầu mới về dẫn độ người đó.

3. Trong trường hợp người đó được phóng thích khỏi nơi giam giữ theo khoản 2 Điều này thì Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu ngay khi có thể được.

Điều 9
BẮT KHẨN CẤP

1. Trong trường hợp khẩn cấp, một Bên có thể yêu cầu bắt khẩn cấp người để dẫn độ trước khi có yêu cầu dẫn độ. Yêu cầu bắt khẩn cấp có thể được các Bên gửi qua đường ngoại giao hoặc trực tiếp giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Tư pháp Đại Hàn Dân Quốc.

2. Yêu cầu bắt khẩn cấp phải được lập bằng văn bản và gồm các nội dung sau đây:

a) Mô tả về người bị bắt để dẫn độ, kể cả các thông tin về quốc tịch của người đó;

b) Nơi người bị bắt để dẫn độ đang có mặt, nếu biết được;

c) Bản tóm tắt sự việc của vụ án, và nếu có thể, cả thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;

d) Mô tả các luật bị vi phạm;

e) Thông báo về lệnh bắt hay lệnh tạm giữ, hoặc bản án đối với người đó;

f) Khẳng định rõ sẽ gửi văn bản yêu cầu dẫn độ đối với người bị bắt để dẫn độ.

3. Sau khi nhận được yêu cầu bắt khẩn cấp, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các bước cần thiết để bảo đảm việc bắt giữ người bị yêu cầu và thông báo ngay kết quả cho Bên yêu cầu.

4. Người bị bắt giữ sẽ được trả tự do nếu Bên yêu cầu không đưa ra yêu cầu dẫn độ kèm theo các tài liệu nêu tại Điều 7 trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày bắt giữ với điều kiện là việc trả tự do này không cản trở quá trình tố tụng nếu sau đó lại nhận được yêu cầu dẫn độ.

Điều 10
DẪN ĐỘ ĐƠN GIẢN

Trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ thông báo cho Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu là người đó chấp nhận việc dẫn độ thì Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để tiến hành việc dẫn độ trong phạm vi pháp luật của Bên đó cho phép.

Điều 11
NHIỀU YÊU CẦU DẪN ĐỘ ĐỐI VỚI MỘT NGƯỜI

1. Trong trường hợp nhận được yêu cầu dẫn độ từ hai hay nhiều quốc gia đối với cùng một người về cùng một tội phạm hay nhiều tội phạm khác nhau, thì Bên được yêu cầu sẽ quyết định dẫn độ người đó cho một trong các quốc gia nói trên và thông báo quyết định của mình cho các quốc gia đó.

2. Khi quyết định dẫn độ một người cho một quốc gia nào đó, thì Bên được yêu cầu phải xem xét tất cả các yếu tố liên quan, kể cả nhưng không giới hạn đối với các yếu tố sau:

a) Quốc tịch và nơi thường trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Các yêu cầu có được lập theo đúng quy định của Hiệp định Dẫn độ hay không;

c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;

d) Lợi ích riêng của các quốc gia yêu cầu;

e) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;

f) Quốc tịch của người bị hại;

g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các quốc gia yêu cầu;

h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ.

Điều 12
CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ DẪN ĐỘ

1. Ngay sau khi có quyết định về yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu thông báo quyết định đó cho Bên yêu cầu qua đường ngoại giao. Nếu từ chối dẫn độ thì phải cho biết lý do và nói rõ từ chối toàn bộ hay một phần yêu cầu dẫn độ.

2. Bên được yêu cầu sẽ chuyển giao người bị dẫn độ cho cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu tại một địa điểm trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu mà hai Bên chấp thuận.

3. Bên yêu cầu sẽ đưa người bị dẫn độ ra khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu trong một thời hạn hợp lý do Bên được yêu cầu ấn định, nếu hết thời hạn trên mà người đó chưa được chuyển đi, thì Bên được yêu cầu có thể trả tự do cho người đó và có thể từ chối dẫn độ đối với tội phạm tương tự.

4. Nếu có tình huống phát sinh vượt quá khả năng kiểm soát của một Bên, cản trở Bên đó chuyển giao hay tiếp nhận người bị dẫn độ, thì phải thông báo cho Bên kia biết. Trong trường hợp đó, sẽ không áp dụng các quy định nêu tại khoản 3 Điều này. Hai Bên sẽ cùng nhau thoả thuận để đưa ra thời hạn chuyển giao hoặc tiếp nhận người bị dẫn độ phù hợp với Điều này.

Điều 13
DẪN ĐỘ LẠI

Nếu người bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự và quay trở lại lãnh thổ của Bên được yêu cầu thì Bên yêu cầu có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó. Trong trường hợp này cần phải gửi kèm theo các tài liệu nêu tại Điều 7.

Điều 14
CHUYỂN GIAO TÀI SẢN

Phù hợp với phạm vi và các điều kiện mà hai Bên thoả thuận và trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của Bên thứ ba, tất cả các tài sản do phạm tội mà có hoặc cần để làm vật chứng được tìm thấy trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, có thể sẽ

được chuyển giao theo đề nghị của Bên yêu cầu nếu việc dẫn độ được phép thực hiện.

Điều 15
QUY TẮC ĐẶC BIỆT

1. Người bị dẫn độ theo Hiệp định này có thể không bị giam giữ, xét xử hay xử phạt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, trừ trường hợp đối với:

a) Tội mà theo đó việc dẫn độ đã được thực hiện hoặc tội tuy có tên gọi khác nhưng cùng dựa trên các sự việc mà theo đó việc dẫn độ đã được phép tiến hành với điều kiện tội đó là tội có thể bị dẫn độ hoặc một tội nhẹ hơn;

b) Tội phạm được thực hiện sau khi đã dẫn độ người đó;

c) Tội mà cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu đồng ý với việc giam giữ, xét xử hay xử phạt người đó;

Theo quy định của điểm này:

i. Bên được yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp các tài liệu nêu tại Điều 7;

ii. Lời khai có giá trị pháp lý của người bị dẫn độ về tội đó sẽ được gửi cho Bên được yêu cầu, nếu có;

iii. Trong thời gian yêu cầu đang được xử lý, người bị dẫn độ có thể bị Bên yêu cầu giam giữ theo thời hạn mà Bên được yêu cầu cho phép

2. Người bị dẫn độ theo Hiệp định này không thể bị dẫn độ cho quốc gia thứ ba về tội đã thực hiện trước khi người đó bị dẫn độ trừ trường hợp Bên được yêu cầu đồng ý.

3. Khoản 1 và khoản 2 của Điều này không cản trở việc giam giữ, xét xử hay xử phạt người bị dẫn độ hoặc dẫn độ người đó đến nước thứ ba nếu:

a) Người đó rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu sau khi dẫn độ và tự nguyện quay trở lại lãnh thổ đó;

b) Người đó không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu trong thời hạn bốn mươi lăm (*45*) ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi.

Điều 16
THÔNG BÁO KẾT QUẢ

Bên yêu cầu thông báo kịp thời cho Bên được yêu cầu các thông tin liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ hoặc việc tái dẫn độ người đó cho nước thứ ba.

Điều 17
QUÁ CẢNH

1. Trong phạm vi được pháp luật của mình cho phép, việc chuyển giao người bị dẫn độ cho một trong các Bên do nước thứ ba tiến hành có quá cảnh qua lãnh thổ của Bên kia sẽ được phép thực hiện khi có văn bản yêu cầu gửi qua đường ngoại giao hoặc gửi trực tiếp giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Tư pháp Đại Hàn Dân Quốc.

2. Trong trường hợp chuyển giao bằng đường hàng không và không hạ cánh trên lãnh thổ của Bên quá cảnh, thì không yêu cầu phải xin phép quá cảnh. Nếu tiến hành việc hạ cánh không dự định trước trên lãnh thổ của Bên quá cảnh, thì Bên đó có thể yêu cầu Bên kia gửi yêu cầu xin quá cảnh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18
CHI PHÍ

1. Bên được yêu cầu sẽ chịu mọi chi phí về các thủ tục trong phạm vi thẩm quyền của mình phát sinh từ yêu cầu dẫn độ.

2. Bên được yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trên lãnh thổ của mình liên quan đến việc bắt và giam giữ người bị dẫn độ, hoặc liên quan đến việc thu giữ và giao nộp tài sản.

3. Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trong việc chuyển người bị dẫn độ từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và chi phí quá cảnh.

Điều 19
TRAO ĐỔI

1. Theo yêu cầu của bất kỳ Bên nào, các Bên sẽ trao đổi với nhau những vấn đề liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Tư pháp Đại Hàn Dân Quốc có thể cùng nhau trao đổi trực tiếp về quá trình giải quyết các vụ việc cụ thể và duy trì, thúc đẩy các thủ tục để thực hiện Hiệp định này.

Điều 20
HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn và bắt đầu có hiệu lực vào thời điểm trao đổi các văn kiện phê chuẩn.

2. Hiệp định này áp dụng đối với các tội phạm được thực hiện trước hoặc sau ngày có Hiệp định này có hiệu lực.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho nhau vào bất kỳ thời điểm nào. Trong trường hợp đó, Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau sáu (6) tháng kể từ ngày gửi thông báo đó.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại Seoul ngày 15 tháng 9 năm 2003 bằng tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp nảy sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định này, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	THAY MẶT **ĐẠI HÀN DÂN QUỐC**
Nguyễn Sinh Hùng BT. Bộ TC	Yoon Young-Kwan BT. Bộ Ngoại giao & Ngoại thương

TREATY ON EXTRADITION

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE REPUBLIC OF KOREA

The Socialist Republic of Vietnam and the Republic of Korea (hereinafter referred to as "the Parties"),

Desiring to provide for more effective cooperation between the two countries in the prevention and suppression of crime, and to facilitate relations between the two countries in the area of extradition by concluding a treaty for the extradition of offenders,

Have agreed as follows:

Article 1
Obligation to Extradite

Each Party agrees to extradite to the other Party, in accordance with the provisions of this Treaty, any person who is found in its territory and sought by the other Party for prosecution, trial, or execution of punishment for an extraditable offence.

Article 2
Extraditable Offences

1. For the purposes of this Treaty, extraditable offences are offences which, at the time of the request, are punishable under the laws of both Parties by deprivation of liberty for a period of at least one year or by a more severe penalty.

2. Where the request for extradition relates to a person sentenced to deprivation of liberty by a court of the Requesting Party for any extraditable offence, extradition shall be granted only if a period of at least six (6) months of the sentence remains to be served.

3. For the purposes of this Article, in determining whether an offence is an offence against the laws of both Parties.

(a) it shall not matter whether the laws of the Parties place the conduct constituting the offence within the same category of offence or denominate the offence by the same terminology;

(b) the totality of the conduct alleged against the person whose extradition is sought shall be taken into account and it shall not matter whether, under the laws of the Parties, the constituent elements of the offence differ.

4. Where extradition of a person is sought for an offence against a law relating to taxation, customs duties, foreign exchange control or other revenue matters, extradition may not be refused on the grounds that the law of the Requested Party does not impose the same kind of tax or duty or does not contain a tax, duty, customs or exchange regulation of the same kind as the law of the Requesting Party.

5. Where the offence has been committed outside the territory of the Requesting Party, extradition shall be granted where the law of the Requested Party provides for the punishment of an offence committed outside its territory in similar circumstances. Where the law of the Requested Party does not so provide, the Requested Party may, in its discretion, grant extradition.

6. If the request for extradition refers to several offences each of which is punishable under the laws of both Parties, but some of which do not fulfill the other conditions set out in paragraphs 1 and 2 of this Article, extradition may be granted for the offences provided that the person is to be extradited for at least one extraditable offence.

Article 3
Mandatory Refusal of Extradition

1. Extradition shall not be granted under this Treaty in any of the following circumstances:

(a) when the Requested Party determines that the offence for which extradition request is an offence bearing political character;

(b) when the person sought is being proceeded against or has been tried and convicted or acquitted in the territory of the Requested Party for the offence for which his extradition is requested;

(c) when the prosecution or the punishment for the offence for which extradition is requested would have been barred by prescription of the lapse of time under the law of the Requested Party had the same offence been committed in the Requested Party. Acts or circumstances that would suspend the lapse of time under the law of the Requesting Party shall be given effect by the Requested Party, and in this regard the Requesting Party shall provide a written statement of the relevant provisions of its law relating to the lapse of time;

(d) when the Requested Party has well-founded reasons to suppose that the request for extradition has been presented with a view to prosecuting or punishing the person sought, by reason of race, religion, nationality, sex or political opinion, or that that person's position may be prejudiced for any of those reasons.

2. The provision of paragraph 1 (a) shall not be applicable to the following offences:

(a) the taking or attempted taking of the life or an attack on the person of a Head of State or a member of his or her family;
(b) an offence in respect of which the Parties have the obligation to establish jurisdiction or extradite by reason of a multilateral international agreement to which they are both parties.

Article 4
Discretionary Refusal of Extradition

Extradition may be refused under this Treaty in any of the following circumstances:

1. when the offence for which extradition is sought is regarded under the law of the Requested Party as having been committed in whole or in part within its territory;
2. when the person sought has been finally acquitted or convicted in a third State for the same offence for which extradition is requested and, if convicted, the sentence imposed has been fully enforced or is no longer enforceable;
3. when, in exceptional cases, the Requested Party while also taking into account the seriousness of the offence and the interests of the Requesting Party deems that, because of the personal circumstances of the person sought, the extradition would be incompatible with humanitarian considerations;
4. when the offence for which extradition is requested is an offence under military law, which is not also an offence under ordinary criminal law.

Article 5
Postponement of Extradition and Temporary Extradition

1. When the person sought is being proceeded against or is serving a sentence in the Requested Party for an offence other than that for which extradition is requested, the Requested Party may postpone the extradition of the person sought until the conclusion of the proceeding or the service of the whole or any part of the sentence imposed. The Requested Party shall inform the Requesting Party of any postponement. When the conditions of the postponement no longer exist, the Requested Party shall promptly inform the Requesting Party and resume the process for extradition unless otherwise informed by the Requesting Party.

2. When the postponement of extradition referred to in paragraph 1 would bar the criminal proceedings due to the lapse of time or create a serious difficulty for the prosecution, the Requested Party may, at the request of the Requesting Party and pursuant to its laws, grant temporary extradition of the person whose extradition is sought.

3. The person whose temporary extradition is granted shall be returned as soon as the criminal proceedings are completed or the mutually agreed time permitted for the request for temporary extradition is ended. The Requested Party may extend, upon request, the initial agreed time period if it deems that reasonable grounds for such extension exist.

Article 6
Extradition of Nationals

1. Neither of the Parties shall be bound to extradite its own nationals under this Treaty.

2. If extradition is refused solely on the basis of the nationality of the person sought, the Requested Party shall, at the request of the Requesting Party, submit the case to its authorities for prosecution.

3. Nationality shall be determined at the time of the commission of the offence for which extradition is requested.

Article 7
Extradition Procedures and Required Documents

1. The request for extradition shall be submitted in writing through the diplomatic channel.

2. The request for extradition shall be accompanied by:
   (a) documents which describe the identity and, if possible, the nationality and location of the person sought;
   (b) a statement of facts of the case;
   (c) a statement of the laws describing the essential elements and the designation of the offence;
   (d) a statement of the laws describing the punishment for the offence; and

(e) a statement of the laws relating to the time limit on the prosecution or the execution of punishment of the offence.

3. When the request for extradition relates to a person who has not yet been found guilty, it shall be accompanied by:

(a) a copy of the warrant of arrest or detention issued by a judge or other competent authority of the Requesting Party;

(b) information establishing that the person sought is the person to whom the warrant of arrest or detention refers; and

(c) a statement of the conduct alleged to constitute the offence such as would provide reasonable ground to suspect that the person sought has committed the offence for which extradition is requested.

4. When the request for extradition relates to a person found guilty, it shall be accompanied by:

(a) a copy of the judgment of finding guilt imposed by a court of the Requesting Party;

(b) information establishing that the person sought is the person found guilty; and

(c) a statement of the conduct constituting the offence for which the person was found guilty.

5. All the documents to be presented by the Requesting Party pursuant to the provisions of this Treaty shall be certified and accompanied by a translation in the language of the Requested Party or in the English language.

6. A document is certified for the purposes of this Treaty, if it has been signed or certified by a judge or other competent officials of the Requesting Party and sealed by the official seal of the competent authority of the Requesting party.

Article 8
Supplementary Information

1. If the Requested Party considers that the information furnished in support of a request for extradition is not sufficient in accordance with this Treaty to enable

extradition to be granted, that Party may request that supplementary information be furnished within such time as it specifies.

2. If the person whose extradition is sought is under arrest and the supplementary information furnished is not sufficient in accordance with this Treaty or is not received within the time specified, the person may be released from custody. Such release shall not preclude the Requesting Party from making a new request for the extradition of the person.

3. When the person is released from custody in accordance with paragraph 2, the Requested Party shall notify the Requesting Party as soon as practicable.

Article 9
Provisional Arrest

1. In case of urgency, a Party may request the provisional arrest of the person sought pending the presentation of the request for extradition. A request for provisional arrest may be transmitted through the diplomatic channel or directly between the People's Supreme Procuracy of the Socialist Republic of Vietnam and the Ministry of Justice of the Republic of Korea.

2. The application for provisional arrest shall be in writing and contain:
   (a) a description of the person sought, including information concerning the person's nationality;
   (b) the location of the person sought, if known;
   (c) a brief statement of the facts of the case, including, if possible, the time and location of the offence;
   (d) a description of the laws violated;
   (e) a statement of the existence of a warrant of arrest or detention, or a finding of guilt or judgment of conviction against the person sought; and
   (f) a statement that a request for extradition for the person sought will follow.

3. On receipt of such an application, the Requested Party shall take the necessary steps to secure the arrest of the person sought and the Requesting Party shall be promptly notified of the result.

4. The person arrested shall be set at liberty if the Requesting Party fails to present the request for extradition, accompanied by the documents specified in Article 7, within forty-five (45) days from the date of arrest, provided that this shall not prevent the institution of proceedings with a view to extraditing the person sought if the request is subsequently received.

Article 10
Simplified Extradition

When a person sought advises a court or other competent authorities of the Requested Party that the person consents to an order for extradition being made, the Requested Party shall take all necessary measures to expedite the extradition to the extent permitted under its laws.

Article 11
Concurrent Requests

1. Where requests are received from two or more States for the extradition of the same person either for the same offence or for different offences, the Requested Party shall determine to which of those States the person is to be extradited and shall notify those States of its decision.

2. In determining to which State a person is to be extradited, the Requested Party shall consider all relevant factors, including but not limited to:

(a) the nationality and the ordinary place of residence of the person sought;

(b) whether the requests were made pursuant to treaty;

(c) the time and place where each offence was committed;

(d) the respective interests of the Requesting States;
(e) the gravity of the offences;
(f) the nationality of the victim;
(g) the possibility of further extradition between the Requesting States; and
(h) the respective dates of the requests.

Article 12
Surrender

1. The Requested Party shall, as soon as a decision on the request for extradition has been made, communicate that decision to the Requesting Party through the diplomatic channel. Reasons shall be given for any complete or partial refusal of a request for extradition.

2. The Requested Party shall surrender the person sought to the competent authorities of the Requesting Party at a location in the territory of the Requested Party acceptable to both Parties.

3. The Requesting Party shall remove the person from the territory of the Requested Party within such reasonable period as the Requested Party specifies and, if the person is not removed within that period, the Requested Party may set that person at liberty and may refuse extradition for the same offence.

4. If circumstances beyond its control prevent a Party from surrendering or removing the person to be extradited, it shall notify the other Party, and in this case the provisions of paragraph 3 of this Article shall not apply. The two Parties shall mutually decide upon a new date of surrender or removal on the conditions of this Article.

Article 13
Re-extradition

Where the person extradited has absconded the criminal proceeding against him and

returned to the territory of the Requested Party, the Requesting Party may submit a request for re-extradition of that person, which shall be accompanied by the documents referred to in Article 7.

Article 14
Surrender of Property

According to the terms and conditions mutually agreed by the Parties and subject to the right of the third Parties, which shall be duly respected, all property found in the territory of the Requested Party that has been acquired as a result of the offence or may be required as evidence shall, if the Requesting Party so requests, be surrendered if the extradition is granted.

Article 15
Rule of Speciality

1. A person extradited under this Treaty may not be detained, tried, or punished in the Requesting Party except for:

(a) the offence for which extradition has been granted or a differently denominated offence based on the same facts on which extradition was granted, provided such offence is extraditable, or is a lesser included offence;

(b) an offence committed after the extradition of the person; or

(c) an offence for which the competent authority of the Requested Party consents to the person's detention, trial, or punishment.

For the purposes of this subparagraph:

(i) the Requested Party may require the submission of the documents called for in Article 7;

(ii) a legal record of statements made by the extradited person with respect to the offence, if any, shall be submitted to the Requested Party; and

(iii) the person extradited may be detained by the Requesting Party for such period of time as the Requested Party may authorize, while the request is being processed.

2. A person extradited under this Treaty may not be extradited to a third State for an offence committed prior to his extradition unless the Requested Party consents.

3. Paragraphs 1 and 2 of this Article shall not prevent the detention, trial, or punishment of an extradited person, or the extradition of that person to a third State, if:

(a) that person leaves the territory of the Requesting Party after extradition and voluntarily returns to it; or

(b) that person does not leave the territory of the Requesting Party within forty-five (45) days of the day on which that person is free to leave.

Article 16
Notification of the Results

The Requesting Party shall timely notify the Requested Party of the information relating to the proceeding against or the execution of punishment upon the person extradited or the re-extradition of that person to a third State.

Article 17
Transit

1. To the extent permitted by its law, transportation of a person surrendered to one Party by a third State through the territory of the other Party shall be authorized on request in writing made through the diplomatic channel or directly between the People's Supreme Procuracy of the Socialist Republic of Vietnam and the Ministry of Justice of the Republic of Korea.

2. Authorization for transit shall not be required when air transport is to be used and no landing is scheduled in the territory of the Party of transit. If an unscheduled

landing occurs in the territory of that Party, it may require the other Party to furnish a request for transit as provided in paragraph 1 of this Article.

Article 18
Costs

1. The Requested Party shall meet the cost of any proceedings in its jurisdiction arising out of a request for extradition.

2. The Requested Party shall bear the cost incurred in its territory in connection with the arrest and detention of the person whose extradition is sought, or the seizure and surrender of property.

3. The Requesting Party shall bear the cost incurred in conveying the person whose extradition is granted from the territory of the Requested Party and the cost of transit.

Article 19
Consultation

1. The Parties shall consult, at the request of either Party, concerning the interpretation and the application of this Treaty.

2. The People's Supreme Procuracy of the Socialist Republic of Vietnam and the Ministry of Justice of the Republic of Korea may consult with each other directly in connection with the processing of individual cases and in furtherance of maintaining and improving procedures for the implementation of this Treaty.

Article 20
Entry into Force and Termination

1. This Treaty is subject to ratification. This Treaty shall enter into force upon the exchange of the instruments of ratification.

2. This Treaty shall apply to offences committed before as well as after the date it enters into force.

3. Either Party may terminate this Treaty by notice in writing at any time. Termination shall take effect six (6) months after the date on which the notice is given.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments have signed this Treaty.

DONE in duplicate at Seoul on the 15th day of September 2003, in the Vietnamese, Korean and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Ng. Sinh Hùng
BT. Bộ T.C.

FOR THE REPUBLIC OF KOREA

Yoon Jung-Kwan
Bộ Trưởng bộ N. giao & N. thương